

Phụ lục 15
THỐNG KÊ SỐ LIỆU NGƯỜI HỌC XÓA MÙ CHỮ

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SGDDT ngày tháng năm 2026
của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)

Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó	
			Nữ	Dân tộc
Dân số và số người học xóa mù chữ (XMC)	người			
1. Tổng dân số trong độ tuổi 15 – 60	"			
Chia ra: + 15 - 35 tuổi	"	2.829.328	1.374.123	94.275
+ 15 - 60 tuổi	"	6.840.434	3.317.325	228.622
2. Số học viên học XMC	"			
Chia ra: - Học viên học XMC giai đoạn 1	"	568		
- Số lớp XMC	lớp	27		
Trong đó: + 15 - 35 tuổi	"			
+ 15 - 60 tuổi	"	27		
- Học viên học XMC giai đoạn 2	"	106		
- Số lớp XMC	lớp	4		
Trong đó: + 15 - 35 tuổi	"			
+ 15 - 60 tuổi	"	4		
3. Số người đạt chuẩn biết chữ	"			
a. Số người đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 (hoàn thành chương trình XMC giai đoạn 1)	"			
Trong đó: + 15 - 35 tuổi	"	11.201	4.932	307

Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó	
			Nữ	Dân tộc
+ 15 - 60 tuổi	"	52.689	22.110	1.455
Tỷ lệ số người đạt chuẩn biết chữ mức độ 1	Tỷ lệ			
Trong đó: + 15 - 35 tuổi	"	99.60		
+ 15 - 60 tuổi	"	99.23		
b. Người đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 (hoàn thành chương trình XMC giai đoạn 2)	"			
Trong đó: + 15 - 35 tuổi	"	15.946	7.045	561
+ 15 - 60 tuổi	"	99.101	44.805	3.463
Tỷ lệ số người đạt chuẩn biết chữ mức độ 2	Tỷ lệ			
Trong đó: + 15 - 35 tuổi	"	99.44		
+ 15 - 60 tuổi	"	98.55		
4. Số người mù chữ	"			
Trong đó: + 15 - 35 tuổi	"	11.201	4.932	307
+ 15 - 60 tuổi	"	52.689	22.110	1455
5. Đơn vị đạt chuẩn XMC				
a. Số đơn vị cấp xã/Phường/Đặc khu đạt chuẩn XMC	xã			
- Mức độ 1	"	168		
- Mức độ 2	"	168		
b. Tỉnh đạt chuẩn XMC (Đánh dấu “X”)	tỉnh			
- Mức độ 1	"	1		
- Mức độ 2	"	1		